

BÁO CÁO TỔNG KẾT

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2018

(Căn cứ phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

Tên quỹ:	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom Viết tắt: TCBF
Loại hình quỹ:	Quỹ mở
Mục tiêu đầu tư:	<p>Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định.</p> <p>Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.</p>
Thời hạn hoạt động:	Không thời hạn
Benchmark:	Không áp dụng
Chính sách phân chia lợi nhuận:	Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cùng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp



	thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền). Nhà Đầu Tư có thể nhận cổ tức bằng tiền hoặc dùng để tái đầu tư.
Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:	519.853.783,13 (thời điểm 31/12/2018)
Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết xem bên dưới (*)
Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 Quỹ TCBF: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính 2017 - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính 2017 - Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2017 - Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2018 của Quỹ - Thông qua kế hoạch chi phí năm 2018 của Quỹ - Thông qua sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Quỹ - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ TCBF năm 2018
Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư số 183/2011/TT-BTC	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại 31/12/2018:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 02 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
	<i>%</i>	<i>%</i>	<i>%</i>
Danh mục chứng khoán	86,63%	74,30%	54,77%
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	10,72%	23,15%	43,75%

Tài sản khác	2,65%	2,55%	1,48%
	100%	100%	100%

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ: 6.622.464.824.048 VNĐ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ: 12.739,09 VNĐ/CCQ
- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành: 519.853.783,13CCQ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong năm 2018: 12.739,60 VNĐ/CCQ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong năm 2018: 11.781,61 VNĐ/CCQ
- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	28.846.968.879
2	Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	296.410.668.430
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	(2.431.872.626)
4	Tổng chi phí	55.551.809.636
	Tổng lợi nhuận	267.273.955.047

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị Quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trong kỳ cuối quý IV năm 2017	1,62%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trong kỳ cuối quý IV năm 2018	1,46%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2017	141,18%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2018	136,66%

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 1 năm): 267.273.955.047 VNĐ.

- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 3 năm): 407.782.310.352 VNĐ.

- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 5 năm): 408.506.355.739 VNĐ.

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

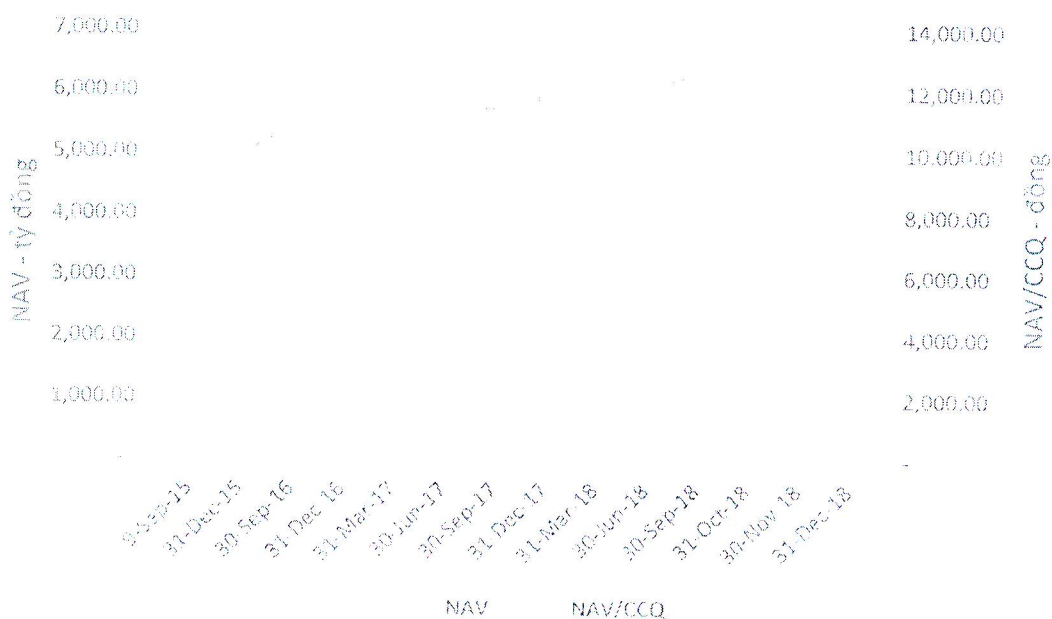
d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): Không có.

b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của Quỹ): Quỹ đã đạt được mục tiêu đầu tư như nêu tại mục 1. **Thông tin về Quỹ**

c. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chi số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



f. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô năm 2018

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV năm 2018 ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,90%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,65% và khu vực dịch vụ tăng 7,61%. Tăng trưởng quý IV/2018 thấp hơn tăng trưởng quý IV/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý IV các năm 2011-2016. Trên góc độ sử dụng GDP quý IV năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 9,06%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,69%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 9,50%. GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 ước tính đạt 244,7 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm 2017 (vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là tăng 7%-8% và Nghị quyết 01 của Chính phủ là tăng 8%-10%), trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 69,2 tỷ USD, tăng 15,9% so với năm 2017, chiếm 28,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 175,5 tỷ USD, tăng 12,9%, chiếm 71,7% (giảm 0,6 điểm phần trăm so với năm 2017). Năm 2018, khu vực kinh tế trong nước chuyển biến tích cực khi đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng lên so với năm 2017. Trong năm 2018 có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tới 91,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó có 5 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 58,3%. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2018 ước tính đạt 237,5 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm trước, trong đó có 36 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 90,4% tổng kim ngạch, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD. Ước tính cả năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 482,2 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,2 tỷ USD, là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra là tỷ lệ nhập siêu dưới 3%.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/12/2018 thu hút 3.046 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 17.976,2 triệu USD, tăng 17,6% về số dự án và giảm 15,5% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, có 1.169 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 7.596,7 triệu USD, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2018 đạt 25.572,9 triệu USD, giảm 13,9% so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2018 ước tính đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2017.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước; CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra; CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017. Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.

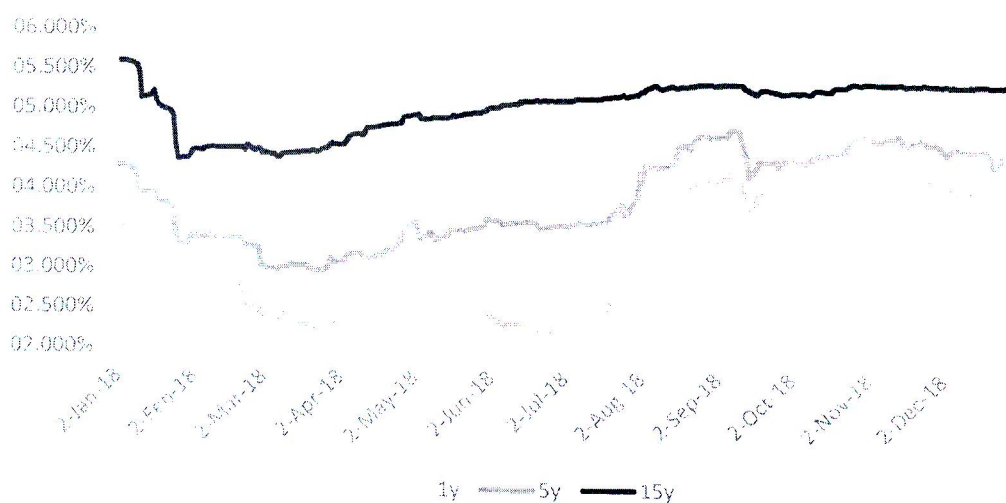
Thị trường trái phiếu năm 2018

Thanh khoản thị trường thứ cấp năm 2018 theo sát biến động của lợi suất khi bùng nổ trong Quý 1 và sau đó giảm mạnh so với cùng kỳ đặc biệt trong giai đoạn lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng cao. 2.037 nghìn tỷ đồng (+0,6% yoy) được giao dịch trên thị trường thứ cấp trong 11 tháng đầu năm. Khối lượng outright giảm so với cùng kỳ đạt 930 nghìn tỷ đồng (-10,1% yoy) trong khi giá trị giao dịch repo tăng kỷ lục lên 1.106 nghìn tỷ đồng (+11,9% yoy).

Lợi suất rơi nhanh và tạo đáy trong Quý 1 trước khi chịu áp lực tăng trong suốt các tháng còn lại. Lợi suất trái phiếu ngắn hạn biến động nhiều hơn kỳ hạn dài, theo sát diễn biến trên thị trường liên ngân hàng. Trong khi đã giảm được ghi nhận khá đồng đều tại tất cả các kỳ hạn thì trong nhịp tăng trong các tháng cuối năm, đã tăng nhanh, mạnh và nhiều nhất được ghi nhận tại các kỳ hạn ngắn, nhạy cảm với thanh khoản trên thị trường tiền tệ. Theo đó, kết thúc tháng 11, theo thống kê của Bloomberg, lợi suất các kỳ hạn 1 năm 2 năm, 3 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm ở mức 4,15% (+50,5 bps ytd), 4,263% (+44,3 bps ytd), 4,408% (+44,8 bps ytd), 4,625% (+32,5 bps ytd), 4,9% (+26,3 bps ytd), 5,188% (-0,7 bps ytd), 5,425% (-25 bps ytd). Cùng với đó, các nhà đầu tư ngoại có xu hướng mua ròng trên thị trường với giá trị hơn 4.800 tỷ đồng

Khác biệt so với năm 2017, thanh khoản trên thị trường duy trì trạng thái dồi dào trong 5 tháng đầu năm và hầu như không chịu các ảnh hưởng đáng kể của các yếu tố mùa vụ. Tuy nhiên, trong 6 tháng cuối năm, dưới sự điều tiết chủ động của NHNN, mặt bằng lãi suất trên thị trường liên ngân hàng đã tăng cao hơn so với mặt bằng chung năm 2017. Cùng với đó, giai đoạn này dòng tiền mới vào thị trường là không rõ ràng, buộc các ngân hàng phải chuẩn bị cho kịch bản thanh khoản không còn dồi dào vào cuối năm do các yếu tố mùa vụ. Cũng cần lưu ý thêm, trong giai đoạn này không xảy ra tình trạng thiếu hụt thanh khoản khi quá trình giải ngân vốn trái phiếu chính phủ thông qua Kho bạc Nhà nước (KBNN) dù đã có cải thiện so với cùng kỳ nhưng không quá đột biến. Cụ thể, theo báo cáo của KBNN, tính đến tháng 11, nguồn vốn Chính phủ giải ngân qua Kho bạc Nhà nước ước đạt 241.358,1 tỷ đồng, bằng 62,9% KH.

Lợi suất trái phiếu chính phủ năm 2018



Nguồn: VBMA

- g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị Quỹ trong kỳ (nếu có): Không có.
- h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ: Không có.
- i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.
- j. Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): Không có.

b. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 15, 17, 18, 19 của Thông tư thành lập và quản lý Quỹ mở (183/2011/TT-BTC), hạn chế vay và hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán:

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, hạn mức đầu tư và danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Mục c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20/01/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) và Điều 10, Điều lệ quỹ quy định: “Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 27 tháng 03 năm 2018, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá thị trường trong danh mục đầu tư của Quỹ và Quỹ thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư đáp ứng quy định pháp luật, chậm nhất là ngày 27 tháng 06 năm 2018.

Tại kỳ định giá ngày 29 tháng 03 năm 2018, Công ty quản lý quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

c. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở:

- Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Không có.

- Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.

d. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ Quỹ: Không có.

Chi tiết về việc phát hành CCQ:

Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2017: 165.696.397,50 CCQ

Tổng số CCQ phát hành thêm trong kỳ: 533.702.660,02 CCQ

Tổng số CCQ mua lại trong kỳ: (179.545.274,39) CCQ

Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2018: 519.853.783,13 CCQ

e. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát (NHGS) phát hiện: Không có.

f. Các hoạt động khác: Không có.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	4.482.054.690
% Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận	1,68%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Thu nhập	1,39%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí	8,07%

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chỉ tiêu (từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	4.482.054.690
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	132.000.000

Chi phí dịch vụ lưu ký	1.566.593.198
Chi phí dịch vụ giám sát	1.308.716.142
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ	1.474.745.350

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyên nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam. Theo đánh giá của chúng tôi, các đơn vị trên đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ TCBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

(*) Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Tại Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 lần thứ hai của Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom diễn ra ngày 5 tháng 5 năm 2018, những nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ như bên dưới đã được thông qua:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Bổ sung CƠ SỞ PHÁP LÝ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán; 		Điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2	<p>Sửa đổi CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH như sau:</p> <p>Ngày định giá: Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.</p> <p>Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.</p>	<p>Ngày định giá: Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.</p> <p>Ngày định giá là:</p> <p>Ngày giao dịch (để phục vụ cho việc tính giá phát hành và giá mua lại); và</p> <p>Ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định</p>	<p>Tăng tần suất giao dịch của Quỹ và điều chỉnh làm rõ nghĩa</p>
3	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 16 như sau:</p> <p>16.2. Tần suất giao dịch:</p> <p>Nhà Đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (tần suất giao dịch hàng ngày). Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật. <p>Ngày hiệu lực của việc áp dụng giao dịch vào các ngày làm việc trong tuần sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ.</p> <p>Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm</p>	<p>16.2. Tần suất giao dịch:</p> <p>Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau:</p> <p>Ngày thứ Ba và ngày thứ Năm hàng tuần (tần suất giao dịch 2 lần /tuần).</p> <p>Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.</p> <p>Việc tăng tần suất sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo Bạch, công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Việc tăng tần suất sẽ được báo cáo Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.</p> <p>Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm</p>	<p>Tăng tần suất giao dịch của quỹ</p>

	bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.	bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.	
4	<p>Sửa đổi khoản 5 Điều 54 như sau:</p> <p>Trong thời gian năm (05) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:</p> <p>Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyên Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư. Chi tiết ngày thanh toán tiền mua lại chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ công bố trên trang web theo từng kỳ.</p>	<p>Trong thời gian năm (05) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:</p> <p>Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyên Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư.</p>	Điều chỉnh theo thực tế hoạt động của Quỹ và làm rõ nghĩa.
5	<p>Sửa đổi khoản 2,3 Điều 58 như sau:</p> <p>58.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký</p> <p>Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.</p> <p>Giá dịch vụ lưu ký:</p> <p>Giá dịch vụ Lưu Ký sẽ là 0,05% /NAV/năm và thấp nhất là 16.000.000 đồng/ tháng.</p> <p>Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 150.000 VNĐ/giao dịch.</p> <p>Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các dịch vụ ngoài thông thường như giá dịch vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....</p> <p>Giá dịch vụ giám sát:</p>	<p>58.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký</p> <p>Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.</p> <p>Giá dịch vụ lưu ký:</p> <p>Giá dịch vụ Lưu Ký sẽ là 0,03% /NAV/năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/ tháng</p> <p>Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 150.000 VNĐ/giao dịch.</p> <p>Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các dịch vụ ngoài thông thường như giá dịch vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....</p> <p>Giá dịch vụ giám sát:</p> <p>Giá dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,05%/NAV/năm và thấp nhất là</p>	Điều chỉnh giá dịch vụ khi Quỹ tăng tần suất giao dịch



<p>Giá dịch vụ dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,03%/NAV/năm</p> <p>Mức phí thấp nhất là 22.200.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT)</p> <p>58.3 Giá dịch vụ Quản trị Quỹ:</p> <p>Giá dịch vụ Quản trị Quỹ sẽ là 0,04%/NAV/ năm và thấp nhất là 76.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT).</p> <p>Giá dịch vụ soạn báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT) và áp dụng từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tuần suất hàng ngày.</p>	<p>20.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT)</p> <p>58.3 Giá dịch vụ Quản trị Quỹ:</p> <p>Giá dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0,04%/NAV/năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT).</p>	
--	--	--

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ trong năm 2018 của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF).

Trân trọng./.

Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

